

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 29-9-2024.

V/v ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Linh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn An;

Ông Mai Quốc Vũ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Văn B, sinh năm 1988 - Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố H L, phường A H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1989 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố C, phường G B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn B trình bày:

Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A H, huyện Trảng Bàng (nay là phường A H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình anh B tại ấp H L, xã A H, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố H L, phường A H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Từ khi chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau do tính tình vợ chồng không phù hợp với nhau, có nhiều điểm bất đồng trong sinh hoạt gia đình. Từ tháng 12-2014, chị L về nhà

mẹ ruột sống tại ấp C, xã G B, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố C, phường G B, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, anh và chị L không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập chị Nguyễn Thị Bé L đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng chị L không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của chị L.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn B yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Bé L.

Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Bé L vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A H, huyện Trảng Bàng (nay là phường A H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 12-2014 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh B trình bày là do tính tình vợ chồng không phù hợp với nhau, có nhiều điểm bất đồng trong sinh hoạt gia đình nên thường xuyên gây gổ nhau. Tòa án đã nhiều lần mời chị L đến Tòa trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị L đều không đến, chứng tỏ chị L không có thiện chí hàn gắn với anh B. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh B và chị L trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh B được ly hôn chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh B trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn B về việc yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Bé L.

Anh Huỳnh Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Bé L.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Huỳnh Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014950 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi

hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; anh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho anh B, chị L biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Linh Ngọc**